

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:85/2024/DS – ST

Ngày: 14-6-2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phước

Ông Huỳnh Phước

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:390/2023/TLST- DS ngày 30 tháng 11 năm 2023; Về việc: *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:390/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP BV. Địa chỉ: Tòa nhà HM Town, số 412, đường N, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1990. Địa chỉ liên lạc: Số 135H-135Y, đường T, phường A, Quận B, Thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Mai Xuân Th, sinh năm 1978 và bà Triệu Tuyết D, sinh năm 1979. Cùng địa chỉ: Số 263/103A, Hẻm 263, đường P, khóm X, phường Y, thành phố C, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần BV (Gọi tắt là Ngân hàng BV) là ông Nguyễn Văn L trình bày:*

Ngân hàng BV, chi nhánh Sóc Trăng với ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D có thỏa thuận, ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức khách hàng cá nhân số 0502100052300 ngày 30/12/2021 và Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 05020000379TD ngày 25/12/2020, chi tiết như sau:

1. Hợp đồng tín dụng hạn mức khách hàng cá nhân số 0502100052300 ngày 30/12/2021: Ngân hàng cho ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D vay số tiền 1.100.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh quần áo, đồng hồ, mắt kính, mỹ phẩm, giày dép; Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất vay cố định là 13,7%/năm; Sau khi hai bên ký hợp đồng tín dụng nêu trên thì Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền vay cho ông Th, bà D theo giấy nhận nợ số 0502100052300003 ngày 14/12/2022;

2. Đối với khoản vay theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 05020000379TD ngày 25/12/2020 thì Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng cho ông Mai Xuân Th số tiền 15.000.000 đồng;

Để đảm bảo cho việc trả tiền vốn và lãi vay của Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 30/12/2021 nêu trên, hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0502000043700 ngày 18/12/2020, được Công chứng tại Văn phòng Công chứng Trần Văn Năm, tỉnh Sóc Trăng số 10996, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD. Tài sản thế chấp là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa 548, tờ bản đồ 42, địa chỉ Hẻm 263, đường Phú Lợi, khóm 3, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số phát hành CI 485102, sổ vào sổ cấp GCN CS 00843 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 20/7/2017, chính lý chuyển nhượng cho ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D vào ngày 19/3/2019.

Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng nêu trên ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo nội D thỏa thuận của các Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký.

Vì vậy, nay Ngân hàng TMCP BV khởi kiện bị đơn ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D thanh toán số tiền vốn và lãi vay còn nợ lại của các Hợp đồng tín dụng nêu trên như sau:

1. Hợp đồng tín dụng hạn mức khách hàng cá nhân số 0502100052300 ngày 30/12/2021 tạm tính đến ngày khởi kiện thì ông Th, bà D còn nợ số tiền vốn vay là 1.100.000.000 đồng; Tiền lãi vay trong hạn 41.332.471 đồng; Lãi quá hạn 79.511.981 đồng; Lãi chậm trả: 1.785.071 đồng và tính đến ngày xét xử sơ thẩm Tiền lãi vay trong hạn 41.332.471 đồng; Lãi quá hạn 256.636.027 đồng; Lãi phạt chậm trả: 4.887.836 đồng.

2. Đối với khoản nợ thẻ tín dụng nêu trên thì ông Mai Xuân Th còn nợ tiền vốn vay là 13.358.384 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày khởi kiện là 3.420.112 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 8.684.780 đồng.

Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng nêu trên ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo nội D thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký.

Vì vậy, nay Ngân hàng TMCP BV khởi kiện bị đơn ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi vay còn nợ lại của Hợp đồng tín dụng hạn mức khách hàng cá nhân số 0502100052300 ngày 30/12/2021 số tiền vốn vay là 1.100.000.000 đồng; Tiền lãi vay trong hạn 41.332.471 đồng; Lãi quá hạn 256.636.027 đồng; Lãi phạt chậm trả: 4.887.836 đồng (Tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm) và tiền lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản tiền vốn, lãi vay nêu trên.

Và khoản nợ thẻ tín dụng số 05020000379TD ngày 25/12/2020 của cá nhân ông Mai Xuân Th vay, sử dụng số tiền vốn gốc là 13.358.384 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 8.684.780 đồng

Trường hợp ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D không thanh toán hoặc không có khả năng thanh toán số tiền vốn, lãi vay của Hợp đồng tín dụng hạn mức khách hàng cá nhân số 0502100052300 ngày 30/12/2021 thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án xem xét cho phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên để đảm bảo cho việc thu hồi tiền vốn, lãi vay của Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp hai bên đã thỏa thuận, ký kết.

* Bị đơn ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, cũng như không có văn bản trả lời ý kiến cho Tòa án biết về việc bị nguyên đơn Ngân hàng TMCP BV khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền vốn, lãi vay còn nợ lại và xử lý tài sản thế chấp hai bên đã thỏa thuận, ký kết nêu trên để thanh toán tiền vốn, lãi vay cho Ngân hàng.

* *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, quyền và nghĩa vụ của mình, cũng như chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Còn bị đơn ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D đều vắng mặt, chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng như thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình. Về nội D vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP BV, buộc bị đơn ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn vay và tiền lãi vay còn nợ của Hợp đồng tín dụng hạn mức khách hàng cá nhân số 0502100052300 ngày 30/12/2021 tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là 1.402.856.335 đồng cũng như tiền lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi các bị đơn thanh toán xong khoản tiền vốn, lãi vay cho Ngân hàng. Trường hợp ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D không thanh toán hoặc không có khả năng thanh toán số tiền vốn, lãi vay cho Ngân hàng thì xử lý phát mãi tài sản thế chấp là căn nhà và quyền sử dụng đất nêu trên theo hợp đồng thế chấp tài sản mà các bên đã thỏa thuận, ký kết.

Đối với khoản nợ thế tín dụng số 05020000379TD ngày 25/12/2020 của cá nhân ông Th, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng BV, buộc ông Mai Xuân Th có nghĩa vụ trả số tiền nợ vốn và lãi sử dụng thế tín dụng nêu trên cho Ngân hàng tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm tổng cộng là 22.043.164 đồng, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bà Triệu Tuyết D có nghĩa vụ liên đới với ông Th trả khoản nợ vay này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần BV khởi kiện bị đơn ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D yêu cầu thanh toán số tiền vốn và tiền lãi vay theo các hợp đồng tín dụng hai bên đã ký. Do đó, quan hệ phát sinh tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo nội D thỏa thuận tại Điều 10 của Hợp đồng tín dụng hai bên thỏa thuận, ký kết nêu trên khi có phát sinh tranh chấp nếu không thương lượng được thì Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết và nguyên đơn Ngân hàng BV lựa chọn là Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng giải quyết vụ kiện theo địa chỉ nơi cư trú của bị đơn là đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Do các đương sự không đặt ra yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D:

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D thanh toán tiền vốn, lãi vay của Hợp đồng tín dụng hạn mức khách hàng cá nhân số 0502100052300 ngày 30/12/2021 giữa hai bên, thỏa thuận ký kết thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng BV giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D không có ý kiến phản đối gì đối với số tiền vốn, lãi vay còn nợ lại tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 14/6/2024) tổng cộng là 1.402.856.335 đồng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp cho Tòa án và đã được Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ như: Hợp đồng tín dụng hạn mức khách hàng cá nhân số 0502100052300 ngày 30/12/2021; Giấy nhận nợ số 0502100052300003 ngày 14/12/2022 của ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D; Căn cước công dân của ông Mai Xuân Th, Giấy chứng minh nhân dân của bà Triệu Tuyết D, Sổ hộ khẩu của hộ ông Mai Xuân Th; Giấy kết hôn của ông Th, bà D và các tài liệu chứng cứ khác (bút lục số 13 đến 38) và Bảng kê dư nợ gốc và lãi vay đến hết ngày 14/6/2024 của khách

hàng ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D. Các tài liệu, chứng cứ này đều thể hiện nội D bị đơn ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D có vay số tiền 1.100.000.000 đồng của Ngân hàng Thương mại cổ phần BV, chi nhánh Sóc Trăng, bị đơn ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D đều có ký tên, nhận nợ và từ khi vay số tiền nêu trên thì ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D chưa trả được kỳ tiền vốn vay nào, còn nợ lại toàn bộ số tiền vốn vay là 1.100.000.000 đồng và tiền lãi vay trong hạn là 41.332.471 đồng, tiền lãi vay quá hạn là 256.636.027 đồng, tiền lãi phạt chậm trả là 4.887.836 đồng, nên đây là những tình tiết sự thật, không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D có vay và còn nợ lại Ngân hàng Thương mại cổ phần BV, chi nhánh Sóc Trăng số tiền vốn vay là 1.100.000.000 đồng và tiền lãi vay trong hạn là 41.332.471 đồng, tiền lãi quá hạn là 256.636.027 đồng, tiền lãi phạt chậm trả là 4.887.836 đồng.

Do bên vay ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vốn, lãi định kỳ 03 tháng/lần theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng và Điều khoản cam kết chung của Giấy nhận nợ nêu trên mà giữa hai bên đã thỏa thuận, ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần BV đối với ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D yêu cầu thanh toán tiền vốn và lãi vay trong hạn, lãi quá hạn, tiền lãi phạt chậm trả còn nợ lại tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm với tổng số tiền 1.402.856.335 đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[4.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn thì thấy:

Do bị đơn ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D đã vi phạm thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng mà hai bên thỏa thuận, ký kết nêu trên. Đồng thời, để bảo đảm thanh toán số tiền vốn và lãi của Hợp đồng tín dụng nêu trên giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần BV với ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D đã thỏa thuận, ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0502000043700 ngày 18/12/2020. Xét về hình thức, nội D hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất giữa hai bên thỏa thuận, ký kết đều được công chứng theo quy định, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được đăng ký thế chấp tại Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, đúng quy định pháp luật (bút lục 18 đến 22), nên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất nêu trên giữa hai bên đương sự thỏa thuận, ký kết là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật. Do bên thế chấp ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng thế

chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã ký nên bên nhận thế chấp tài sản là Ngân hàng Thương mại cổ phần BV được quyền yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi tiền vốn và lãi vay theo hợp đồng thế chấp hai bên đã ký kết. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần BV đối với bị đơn ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D yêu cầu xử lý phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên của ông Th, bà Tuyết là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D đối với khoản nợ thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 05020000379TD ngày 25/12/2020 của cá nhân ông Mai Xuân Th, thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng BV giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D về khoản nợ mở, sử dụng thẻ tín dụng nêu trên thì ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D không có ý kiến phản đối gì đối với số tiền vốn, lãi vay còn nợ của thẻ tín dụng mà ông Th mở tại Ngân hàng BV tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 14/6/2024) là 22.043.164 đồng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn Ngân hàng BV đã nộp cho Tòa án và đã được Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ như: Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 05020000379TD ngày 25/12/2020 của cá nhân ông Mai Xuân Th; Căn cước công dân của ông Mai Xuân Th, Sổ hộ khẩu của hộ ông Mai Xuân Th. Các tài liệu, chứng cứ này đều thể hiện nội D cá nhân ông Mai Xuân Th có đề nghị mở thẻ tín dụng và sử dụng dịch vụ thẻ của Ngân hàng BV với hạn mức vay số tiền 15.000.000 đồng, bị đơn ông Mai Xuân Th có ký tên và sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng nêu trên thì ông Mai Xuân Th còn nợ lại toàn bộ số tiền gốc của tài khoản thẻ tín dụng tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 13.358.384 đồng và tiền lãi là 8.684.780 đồng, khoản nợ vay thẻ tín dụng này không phải là khoản nợ vay chung vợ chồng ông Th, bà D mà là khoản nợ vay sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ông Th, nên đây là những tình tiết sự thật, không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng BV cũng xác định đây là khoản nợ cá nhân của ông Mai Xuân Th, không có liên quan đến bà Triệu Tuyết D, bà D không có ký tên đề nghị mở thẻ tín dụng vay nợ, cũng như nguyên đơn không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh đây là nợ chung của ông Th, bà D, nhưng nguyên đơn Ngân hàng BV vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông Th, bà D có nghĩa vụ cùng trả khoản nợ thẻ tín dụng này, vì khi được phân công làm người đại diện ủy quyền của nguyên đơn tham gia tố tụng, theo quy định

của Ngân hàng BV thì không được rút hoặc thay đổi đơn khởi kiện khi chưa có sự đồng ý của lãnh đạo Ngân hàng BV.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định chỉ cá nhân ông Mai Xuân Th vay với hình thức sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng và còn nợ lại Ngân hàng Thương mại cổ phần BV, chi nhánh Sóc Trăng số tiền vốn gốc và tiền lãi trong hạn, quá hạn của khoản nợ thẻ tín dụng nêu trên tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 22.043.164 đồng, nên buộc cá nhân ông Mai Xuân Th có nghĩa vụ trả số tiền nợ thẻ tín dụng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần BV, không chấp nhận yêu cầu buộc bà Triệu Tuyết D cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ đối với khoản vay này.

[5] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Bị đơn ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định số tiền là 54.085.690 đồng. Ngoài ra, bị đơn ông Mai Xuân Th còn phải chịu thêm tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản vay thẻ tín dụng do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định số tiền là 1.102.158 đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần BV phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch do một phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận đối với phần yêu cầu bị đơn bà Triệu Tuyết D có nghĩa vụ liên đới trả nợ đối với khoản vay thẻ tín dụng của ông Mai Xuân Th, nên đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, còn lại được hoàn trả theo quy định.

[6] Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp: Số tiền là 550.000 đồng bị đơn ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 550.000 đồng, nên bị đơn ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D có nghĩa vụ nộp lại số tiền 550.000 đồng để hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần BV.

[7] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa về việc chấp hành pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, cũng như quan điểm về nội D giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Căn cứ các Điều 317, 318, 319, 320, 321 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần BV đối với bị đơn ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng hạn mức khách hàng cá nhân số 0502100052300 ngày 30/12/2021.

2. Buộc bị đơn ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần BV số tiền vốn và lãi vay trong hạn, quá hạn, lãi chậm trả (Tạm tính đến ngày 14/6/2024) tổng cộng là 1.402.856.335 đồng (*Một tỷ bốn trăm lẻ hai triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng*). Trong đó, tiền vốn vay là 1.100.000.000 đồng, tiền lãi vay trong hạn 41.332.471 đồng, tiền lãi quá hạn 256.636.027 đồng, tiền lãi phạt chậm trả là 4.887.836 đồng.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần BV có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D chậm thanh toán số tiền vốn và lãi vay nêu trên cho Ngân hàng thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm trả theo Hợp đồng tín dụng hạn mức khách hàng cá nhân số 0502100052300 ngày 30/12/2021 mà giữa hai bên đã thỏa thuận, ký kết tương ứng với thời gian chậm thi hành án, tính từ ngày 15/6/2023 cho đến khi hoàn tất thanh toán số tiền nêu trên.

3. Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, bị đơn ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D không thanh toán số tiền vốn và lãi vay nêu trên thì nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần BV được quyền yêu cầu cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp bảo đảm cho việc thanh toán số tiền vốn và lãi vay của Hợp đồng tín dụng hạn mức khách hàng cá nhân số 0502100052300 ngày 30/12/2021 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0502000043700 ngày 18/12/2020 mà giữa hai bên thỏa

thuận, ký kết. Tài sản thế chấp là căn nhà cấp 4, có diện tích 72m² (Nhà có kết cấu Khung cột Bê tông cốt thép, vách tường 10, cửa sắt kéo + kính), gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 106,1m² tại thửa 548, tờ bản đồ 42, địa chỉ số 263/103A, Hẻm 263, đường Phú Lợi, khóm 3, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số phát hành CI 485102, số vào sổ cấp GCN CS 00843 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 20/7/2017 cho bà Hoàng Thị Yên đứng tên, được chỉnh lý chuyển nhượng sang tên cho ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D vào ngày 19/3/2019.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần BV đối với bị đơn ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D; Về việc tranh chấp khoản nợ thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 05020000379TD ngày 25/12/2020.

5. Buộc bị đơn ông Mai Xuân Th có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần BV số tiền vốn và lãi vay trong hạn, quá hạn, lãi phạt (tạm tính đến ngày 14/6/2024) là 22.043.164 đồng (*Hai mươi hai triệu không trăm bốn mươi ba nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng*). Trong đó, tiền nợ vốn gốc vay thẻ tín dụng là 13.358.384 đồng và tiền lãi vay trong hạn, quá hạn là 8.684.780 đồng.

6. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần BV đối với bị đơn bà Triệu Tuyết D; Về việc tranh chấp khoản nợ thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 05020000379TD ngày 25/12/2020.

7. Về án phí sơ thẩm:

7.1. Buộc bị đơn ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D có nghĩa vụ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 54.085.690 đồng.

7.2. Buộc bị đơn ông Mai Xuân Th có nghĩa vụ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 1.102.158 đồng.

7.3. Buộc nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần BV phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, còn lại số tiền tạm ứng án phí là 24.200.000 đồng theo biên lai thu số 0011604 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng Ngân hàng Thương mại cổ phần BV được hoàn trả lại.

8. Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp: Số tiền là 550.000 đồng bị đơn ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D có nghĩa vụ phải chịu. Do nguyên đơn đã nộp tạm

ứng số tiền 550.000 đồng, nên bị đơn ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D có nghĩa vụ nộp lại số tiền 550.000 đồng để hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần BV.

9. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn ông Mai Xuân Th, bà Triệu Tuyết D thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

10. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha